

**(Dự kiến) DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2025-2026 - KHÓA 61**

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
1	25D100066	Nguyễn Kim	Chi	K61A2	A	16		8.98	3.81	89		Giỏi
2	25D100031	Nguyễn Ngọc	Linh	K61A1	A	14	2	8.81	3.93	90		Giỏi
3	25D100235	Nguyễn Hồng	Anh	K61A5	A	14	2	8.76	3.86	90		Giỏi
4	25D100032	Phạm Phương	Linh	K61A1	A	14	2	8.71	3.93	96		Giỏi
5	25D100162	Nguyễn Hà	Phuong	K61A3	A	16		8.66	3.81	90		Giỏi
6	25D100219	Nguyễn Mai	Phuong	K61A4	A	14	2	8.65	3.79	91		Giỏi
7	25D100046	Hoàng Như	Phuong	K61A1	A	14	2	8.64	3.79	93		Giỏi
8	25D100110	Trần Thị Minh	Thư	K61A2	A	16		8.63	3.81	82		Giỏi
9	25D100263	Nguyễn Thị Thủy	Linh	K61A5	A	16		8.58	3.81	93		Giỏi
10	25D100229	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	K61A4	A	14	2	8.48	3.71	90		Giỏi
11	25D100155	Nguyễn Minh	Ngọc	K61A3	A	14	2	8.47	3.79	85		Khá
12	25D100173	Đỗ Đình	Văn	K61A3	A	14	2	8.29	3.46	79		Khá
13	25D100264	Trần Khánh	Linh	K61A5	A	14	2	8.29	3.68	85		Khá
14	25D100002	Đặng Nguyễn Huyền	Anh	K61A1	A	14	2	8.26	3.46	90		Khá
15	25D100054	Nguyễn Thu	Trang	K61A1	A	14	2	8.26	3.68	90		Khá
16	25D100057	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	K61A1	A	14	2	8.25	3.61	84		Khá
17	25D100277	Đoàn Thị Mai	Phuong	K61A5	A	16		8.22	3.44	84		Khá
18	25D100009	Dương Thảo	Chi	K61A1	A	14	2	8.21	3.50	83		Khá
19	25D100224	Trần Diệu	Thiện	K61A4	A	14	2	8.21	3.61	97		Khá
20	25D100271	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	K61A5	A	16		8.20	3.63	90		Khá
21	25D100020	Vũ Ngọc	Hiếu	K61A1	A	16		8.19	3.44	88		Khá
22	25D100182	Phạm Quỳnh	Chi	K61A4	A	14	2	8.19	3.46	91		Khá
23	25D100076	Nguyễn Thanh	Hằng	K61A2	A	14	2	8.17	3.46	88		Khá
24	25D100096	Trần Kim	Ngân	K61A2	A	14	2	8.11	3.39	80		Khá
25	25D100236	Nguyễn Văn	Anh	K61A5	A	14	2	8.11	3.46	91		Khá
26	25D100040	Phạm Thị Mỹ	Ngọc	K61A1	A	14	2	8.09	3.39	84		Khá
27	25D100062	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	K61A2	A	16		8.09	3.50	79		Khá
28	25D100015	Đoàn Hương	Giang	K61A1	A	16		8.08	3.31	80		Khá
29	25D100262	Nguyễn Khánh	Linh	K61A5	A	16		8.08	3.50	84		Khá
30	25D106091	Lê Quỳnh	Anh	K61AAI3	AAI	9	8	8.47	3.67	91		Giỏi
31	25D106167	Mai Anh	Quân	K61AAI4	AAI	9	8	8.47	3.83	86		Giỏi
32	25D106109	Nguyễn Ngọc	Lan	K61AAI3	AAI	9	8	8.43	3.67	93		Giỏi
33	25D106139	Tạ Thị Ngọc	Ánh	K61AAI4	AAI	9	8	8.27	3.67	90		Giỏi
34	25D106124	Nguyễn Văn	Thế	K61AAI3	AAI	9	8	8.23	3.50	86		Giỏi
35	25D106166	Đào Hải	Phúc	K61AAI4	AAI	17		8.20	3.65	84		Giỏi
36	25D106083	Hà Minh	Trang	K61AAI2	AAI	17		8.17	3.44	80		Khá
37	25D106117	Nguyễn Thị Hà	My	K61AAI3	AAI	17		8.15	3.47	90		Khá
38	25D106094	Phạm Quốc	Anh	K61AAI3	AAI	17		8.05	3.47	91		Khá
39	25D106061	Vũ Việt	Hoàng	K61AAI2	AAI	9	8	8.03	3.33	94		Khá
40	25D106156	Vũ Thị	Lợi	K61AAI4	AAI	17		8.03	3.47	86		Khá
41	25D106129	Lưu Thị	Tuyết	K61AAI3	AAI	17		7.98	3.38	83		Khá
42	25D106040	Cao Ngọc	Trâm	K61AAI1	AAI	9	8	7.97	3.33	80		Khá
43	25D106089	Đào Thị Lan	Anh	K61AAI3	AAI	9	8	7.97	3.50	95		Khá
44	25D106146	Nguyễn Hương	Giang	K61AAI4	AAI	17		7.96	3.41	90		Khá
45	25D106164	Bùi Thị Uyên	Nhi	K61AAI4	AAI	17		7.91	3.21	82		Khá
46	25D106064	Nguyễn Trung	Kiên	K61AAI2	AAI	17		7.88	3.26	90		Khá
47	25D106096	Nguyễn Long Gia	Bảo	K61AAI3	AAI	9	8	7.83	3.33	85		Khá
48	25D106175	Nguyễn Nhật	Vinh	K61AAI4	AAI	9	8	7.83	3.17	86		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
49	25D109036	Nguyễn Vũ Quang	Minh	K61AS1	AS	14	2	8.73	4.00	97		Giỏi
50	25D109091	Đồng Tuấn	Long	K61AS2	AS	16		8.54	3.63	86		Giỏi
51	25D109093	Dương Tuấn	Minh	K61AS2	AS	16		8.53	3.72	86		Giỏi
52	25D109024	Nguyễn Minh	Khải	K61AS1	AS	14	2	8.28	3.61	85		Giỏi
53	25D109041	Hoàng Vũ Uyên	Nhi	K61AS1	AS	14	2	8.28	3.50	85		Khá
54	25D109042	Nguyễn Thị Tâm	Như	K61AS1	AS	16		8.22	3.50	81		Khá
55	25D109099	Nguyễn Minh	Nguyệt	K61AS2	AS	14	2	8.11	3.32	80		Khá
56	25D109108	Đình Quang	Thắng	K61AS2	AS	16		7.93	3.25	70		Khá
57	25D109037	Hoàng Trà	My	K61AS1	AS	14	2	7.89	3.29	80		Khá
58	25D109052	Thân Nguyễn Hoài	Thu	K61AS1	AS	14	2	7.89	3.18	75		Khá
59	25D109098	Phùng Minh	Ngọc	K61AS2	AS	14	2	7.87	3.18	78		Khá
60	25D109027	Đặng Gia	Linh	K61AS1	AS	14	2	7.85	3.25	97		Khá
61	25D120056	Nguyễn Thị Thùy	Vân	K61C1	C	16		9.11	4.00	87		Giỏi
62	25D120158	Đào Khánh	Nguyên	K61C3	C	14	2	9.09	3.93	88		Giỏi
63	25D120122	Lê Lan	Anh	K61C3	C	14	2	9.04	3.89	88		Giỏi
64	25D120146	Chu Nguyễn Phương	Linh	K61C3	C	14	2	8.99	4.00	88		Giỏi
65	25D120059	Vũ Thị Hải	Yến	K61C1	C	14	2	8.94	4.00	90		Giỏi
66	25D120167	Vũ Minh	Thu	K61C3	C	14	2	8.90	4.00	88		Giỏi
67	25D120062	Đặng Thị Vân	Anh	K61C2	C	14	2	8.86	3.93	88		Giỏi
68	25D120024	Hoàng Thanh	Huyền	K61C1	C	14	2	8.80	3.79	87		Khá
69	25D120040	Nguyễn Phương	Nhi	K61C1	C	14	2	8.78	3.89	87		Khá
70	25D120170	Nguyễn Thu	Trà	K61C3	C	14	2	8.77	3.75	97		Khá
71	25D120022	Bùi Thị Diệu	Hoa	K61C1	C	14	2	8.75	3.86	84		Khá
72	25D120117	Chu Ngọc Hà	Vy	K61C2	C	14	2	8.66	3.75	82		Khá
73	25D120083	Nguyễn Bá	Hùng	K61C2	C	16		8.58	3.63	83		Khá
74	25D120004	Lê Vân	Anh	K61C1	C	14	2	8.57	3.68	85		Khá
75	25D120052	Dương Thị Thùy	Trang	K61C1	C	14	2	8.57	3.68	85		Khá
76	25D120080	Hà Lê	Hằng	K61C2	C	14	2	8.56	3.71	84		Khá
77	25D120169	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	K61C3	C	14	2	8.56	3.64	92		Khá
78	25D120177	Hà Thúy	Vy	K61C3	C	14	2	8.56	3.64	84		Khá
79	25D120032	Vũ Phương	Linh	K61C1	C	14	2	8.53	3.68	82		Khá
80	25D120034	Phạm Thị Thanh	Mai	K61C1	C	14	2	8.51	3.71	85		Khá
81	25D125010	Trần Thị Ngọc	Dung	K61CCI1	CCI	8	8	9.51	4.00	95		Xuất sắc
82	25D125032	Trần Thị Ánh	Nguyệt	K61CCI1	CCI	8	8	9.45	4.00	85		Giỏi
83	25D125024	Trần Thái Trúc	Linh	K61CCI1	CCI	8	8	9.35	4.00	100		Giỏi
84	25D125140	Nguyễn Khánh	Hà	K61CCI4	CCI	8	8	9.24	4.00	88		Giỏi
85	25D125087	Nguyễn Hoàng	Anh	K61CCI3	CCI	8	8	9.21	4.00	87		Giỏi
86	25D125006	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	K61CCI1	CCI	8	8	8.98	4.00	90		Khá
87	25D125109	Ngô Thanh	Mai	K61CCI3	CCI	8	8	8.90	4.00	98		Khá
88	25D125016	Trần Mỹ	Hạnh	K61CCI1	CCI	8	8	8.88	3.63	83		Khá
89	25D125101	Bùi Thái	Huy	K61CCI3	CCI	8	8	8.86	3.81	86		Khá
90	25D125005	Trần Mai Hồng	Anh	K61CCI1	CCI	8	8	8.86	4.00	94		Khá
91	25D125012	Đỗ Thị Thu	Duyên	K61CCI1	CCI	8	8	8.86	3.81	88		Khá
92	25D125083	Phạm Ngọc Cẩm	Tú	K61CCI2	CCI	8	8	8.83	3.81	84		Khá
93	25D125132	Đỗ Thành	Công	K61CCI4	CCI	8	8	8.83	3.81	95		Khá
94	25D125126	Bùi Phương	Anh	K61CCI4	CCI	8	8	8.79	3.81	99		Khá
95	25D125154	Bùi Bích	Ngân	K61CCI4	CCI	8	8	8.78	3.81	88		Khá
96	25D125041	Phạm Anh	Tú	K61CCI1	CCI	8	8	8.76	4.00	88		Khá
97	25D125118	Phạm Đỗ	Quyên	K61CCI3	CCI	8	8	8.70	3.81	83		Khá
98	25D125104	Nguyễn Thị Mai	Hương	K61CCI3	CCI	16		8.69	3.75	84		Khá
99	25D125099	Đỗ Ngọc	Hà	K61CCI3	CCI	8	8	8.63	3.63	86		Khá
100	25D125119	Lê Hương	Thảo	K61CCI3	CCI	16		8.54	3.66	85		Khá
101	25D125093	Nguyễn Thị Bích	Diệp	K61CCI3	CCI	16		8.51	3.50	86		Khá
102	25D125085	Trần Mỹ	An	K61CCI3	CCI	8	8	8.50	3.63	86		Khá
103	25D125124	Vũ Minh	Tú	K61CCI3	CCI	8	8	8.50	3.63	85		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
104	25D125131	Lê Nguyễn Linh	Chi	K61CC14	CCI	8	8	8.49	3.63	91		Khá
105	25D125031	Nguyễn Bảo	Ngọc	K61CC11	CCI	8	8	8.46	3.63	86		Khá
106	25D125022	Đinh Thị Khánh	Linh	K61CC11	CCI	16		8.44	3.44	81		Khá
107	25D121032	Lê Phương	Thảo	K61CD1	CD	14	2	9.16	4.00	95		Xuất sắc
108	25D121062	Hoàng Thị Ngọc	Linh	K61CD2	CD	14	2	9.14	3.93	86		Giỏi
109	25D121037	Hồ Thị Huyền	Trang	K61CD1	CD	16		9.06	3.94	97		Giỏi
110	25D121095	Nguyễn Phương	Giang	K61CD3	CD	14	2	9.05	3.89	88		Giỏi
111	25D121015	Nguyễn Trang Vi	Hương	K61CD1	CD	14	2	8.83	3.79	90		Giỏi
112	25D121009	Nguyễn Thùy	Dương	K61CD1	CD	14	2	8.81	3.89	85		Khá
113	25D121069	Võ Bảo	Ngọc	K61CD2	CD	14	2	8.74	3.79	85		Khá
114	25D121072	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	K61CD2	CD	16		8.67	3.69	88		Khá
115	25D121004	Vũ Ngọc	Anh	K61CD1	CD	14	2	8.64	3.89	94		Khá
116	25D121017	Nguyễn Minh	Khuê	K61CD1	CD	14	2	8.59	3.75	90		Khá
117	25D121046	Nguyễn Hoàng	Anh	K61CD2	CD	14	2	8.59	3.68	100		Khá
118	25D121089	Nguyễn Phạm Thu	Anh	K61CD3	CD	14	2	8.54	3.79	88		Khá
119	25D121074	Hồ Nguyễn Như	Quỳnh	K61CD2	CD	14	2	8.51	3.79	96		Khá
120	25D121118	Nguyễn Đức	Thắng	K61CD3	CD	14	2	8.50	3.64	85		Khá
121	25D220014	Bùi Thị	Hải	K61T1	T	16		9.26	3.88	88		Giỏi
122	25D220085	Tạ Tú	Uyên	K61T2	T	14	2	9.12	3.89	94		Xuất sắc
123	25D220063	Trần Thị Bích	Liên	K61T2	T	14	2	8.79	3.79	88		Giỏi
124	25D220117	Hoàng Quỳnh	Như	K61T3	T	16		8.78	3.91	87		Giỏi
125	25D220082	Nguyễn Minh	Thư	K61T2	T	14	2	8.74	3.68	88		Giỏi
126	25D220098	Lý Thu	Hà	K61T3	T	14	2	8.74	3.79	85		Khá
127	25D220007	Hoàng Ngọc	Ánh	K61T1	T	14	2	8.66	3.82	84		Khá
128	25D220088	Lê Thị Phương	Anh	K61T3	T	14	2	8.62	3.79	89		Khá
129	25D220055	Trịnh Thị Thùy	Dương	K61T2	T	14	2	8.56	3.82	83		Khá
130	25D220028	Ngô Thị Minh	Ngãi	K61T1	T	14	2	8.53	3.79	87		Khá
131	25D220122	Nguyễn Thị Vân	Thảo	K61T3	T	14	2	8.52	3.68	86		Khá
132	25D220023	Nhâm Khánh	Linh	K61T1	T	14	2	8.46	3.75	87		Khá
133	25D220059	Lưu Thúy	Hiền	K61T2	T	14	2	8.46	3.68	78		Khá
134	25D220039	Nguyễn Anh	Thư	K61T1	T	14	2	8.41	3.68	82		Khá
135	25D221035	Vũ Ánh	Ngọc	K61TTI1	TTI	8	8	8.81	3.81	83		Giỏi
136	25D221036	Trương Minh	Nguyệt	K61TTI1	TTI	8	8	8.74	4.00	92		Giỏi
137	25D221042	Nguyễn Thị Phương	Thanh	K61TTI1	TTI	8	8	8.66	3.81	90		Giỏi
138	25D221023	Nguyễn Đăng Phương	Linh	K61TTI1	TTI	8	8	8.54	3.81	83		Khá
139	25D221014	Nguyễn Thùy	Dương	K61TTI1	TTI	8	8	8.36	3.63	91		Khá
140	25D221015	Hoàng Phương	Hà	K61TTI1	TTI	8	8	8.35	3.63	88		Khá
141	25D221045	Bùi Mai	Trang	K61TTI1	TTI	16		8.35	3.69	88		Khá
142	25D221090	Dương Đỗ Minh	Phúc	K61TTI2	TTI	8	8	8.34	3.44	80		Khá
143	25D221031	Nguyễn Ngọc Hà	My	K61TTI1	TTI	8	8	8.33	3.69	83		Khá
144	25D221038	Bùi Cẩm	Nhung	K61TTI1	TTI	8	8	8.30	3.63	81		Khá
145	25D221004	Nguyễn Tâm	Anh	K61TTI1	TTI	16		8.22	3.53	82		Khá
146	25D221043	Đặng Hưng	Thịnh	K61TTI1	TTI	16		8.21	3.44	83		Khá
147	25D221001	Chu Huyền	Anh	K61TTI1	TTI	16		8.14	3.47	82		Khá
148	25D221096	Hoàng Thị Huyền	Trang	K61TTI2	TTI	16		8.12	3.53	84		Khá
149	25D150076	Lê Thị Thùy	Trang	K61D2	D	13		9.05	3.85	90		Xuất sắc
150	25D150091	Cao Bảo	Hân	K61D3	D	11	2	8.62	3.73	87		Giỏi
151	25D150031	Phạm Thu	Thảo	K61D1	D	11	2	8.54	3.82	80		Giỏi
152	25D150037	Nguyễn Ánh	Tuyết	K61D1	D	11	2	8.45	3.73	83		Giỏi
153	25D150110	Nguyễn Hoài	Thương	K61D3	D	11	2	8.37	3.55	80		Khá
154	25D150033	Nguyễn Thị	Thương	K61D1	D	13		8.35	3.54	80		Khá
155	25D150095	Nguyễn Thị Thu	Hương	K61D3	D	11	2	8.31	3.68	83		Khá
156	25D150071	Long Thị	Thanh	K61D2	D	13		8.29	3.62	85	Có	Khá
157	25D150035	Nguyễn Thị Uyên	Trang	K61D1	D	13	3	8.28	3.38	77		Khá
158	25D150049	Vũ Minh	Giang	K61D2	D	11	2	8.27	3.73	80		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
159	25D150018	Nguyễn Thảo	Liên	K61D1	D	11	5	8.22	3.50	80		Khá
160	25D150090	Phạm Thị	Hải	K61D3	D	13		8.16	3.54	80		Khá
161	25D150013	Nguyễn Bảo	Hân	K61D1	D	11	2	8.11	3.41	84		Khá
162	25D150024	Đỗ Thị Minh	Ngọc	K61D1	D	13		8.10	3.54	80		Khá
163	25D270049	Nguyễn Hương	Giang	K61DC2	DC	13	3	9.73	4.00	90		Xuất sắc
164	25D270005	Quang Thị Quỳnh	Anh	K61DC1	DC	13		9.00	4.00	80		Giỏi
165	25D270021	Nguyễn Vũ Hà	My	K61DC1	DC	13	3	8.98	4.00	87		Giỏi
166	25D270017	Phạm Thị	Linh	K61DC1	DC	13		8.59	3.77	85		Khá
167	25D270006	Hà Ngọc	Bích	K61DC1	DC	11	5	8.58	3.77	83	Có	Khá
168	25D270003	Nguyễn Lan	Anh	K61DC1	DC	13		8.54	3.58	85		Khá
169	25D270078	Phạm Thu	Trang	K61DC2	DC	13	3	8.48	3.54	85		Khá
170	25D270032	Phạm Huyền	Thương	K61DC1	DC	11	5	8.45	3.59	87		Khá
171	25D270022	Nguyễn Phương	Nam	K61DC1	DC	11	2	8.39	3.64	90		Khá
172	25D270080	Quách Thị Hồng	Vân	K61DC2	DC	13		8.38	3.50	90	Có	Khá
173	25D156035	Phan Thu	Thảo	K61DDI1	DDI	17		8.64	3.76	82		Giỏi
174	25D156072	Nguyễn Hồng	Nhung	K61DDI2	DDI	17		8.36	3.74	94		Giỏi
175	25D156016	Phạm Ngọc	Huyền	K61DDI1	DDI	17		8.28	3.53	81		Giỏi
176	25D156074	Phạm Thu	Phương	K61DDI2	DDI	17		8.27	3.47	82		Giỏi
177	25D156036	Phạm Minh	Thu	K61DDI1	DDI	17		8.24	3.44	80		Giỏi
178	25D156009	Nguyễn Tiến	Dũng	K61DDI1	DDI	17		8.16	3.62	93		Khá
179	25D156030	Đỗ Hồng	Nhung	K61DDI1	DDI	17		8.08	3.50	84		Khá
180	25D156023	Đặng Hoàng	Ly	K61DDI1	DDI	17		8.06	3.32	85		Khá
181	25D156032	Nguyễn Mai	Phương	K61DDI1	DDI	17		7.98	3.29	96		Khá
182	25D156085	Dương Quỳnh	Anh	K61DDI3	DDI	17		7.98	3.41	84		Khá
183	25D156005	Trần Phương	Anh	K61DDI1	DDI	9	8	7.93	3.33	84		Khá
184	25D156012	Phạm Nguyễn Sơn	Hà	K61DDI1	DDI	17		7.88	3.29	84		Khá
185	25D156083	Nguyễn Tường	Vi	K61DDI2	DDI	17		7.85	3.29	85		Khá
186	25D290058	Nguyễn Thị Mai	Anh	K61DK2	DK	13	2	8.90	4.00	81		Giỏi
187	25D290006	Phạm Thị Quỳnh	Anh	K61DK1	DK	13	5	8.85	4.00	84		Giỏi
188	25D290071	Trần Thị	Hoa	K61DK2	DK	15		8.64	3.80	80		Giỏi
189	25D290028	Trần Ngọc	Linh	K61DK1	DK	13	5	8.52	3.77	83		Giỏi
190	25D290044	Vũ Phương	Thảo	K61DK1	DK	15		8.46	3.70	84		Khá
191	25D290042	Hoàng Phương	Thảo	K61DK1	DK	15	3	8.31	3.73	86		Khá
192	25D290046	Lại Thị Minh	Thư	K61DK1	DK	15		8.31	3.60	81		Khá
193	25D290025	Lê Minh	Khôi	K61DK1	DK	13	2	8.27	3.54	80		Khá
194	25D290102	Nguyễn Minh	Trang	K61DK2	DK	13	2	8.27	3.54	86		Khá
195	25D290039	Nguyễn Thị	Phương	K61DK1	DK	15		8.21	3.43	80		Khá
196	25D290087	Nguyễn Minh	Ngọc	K61DK2	DK	15		8.21	3.40	83		Khá
197	25D290079	Ngô Phương	Linh	K61DK2	DK	13	5	8.18	3.54	84		Khá
198	25D291051	Đỗ Ngọc	Hà	K61DK12	DKI	8	8	8.79	3.81	84		Giỏi
199	25D291055	Nguyễn Trung	Kiệt	K61DK12	DKI	8	8	8.74	3.75	82		Giỏi
200	25D291106	Phạm Minh	Thành	K61DK13	DKI	8	8	8.68	3.63	84		Giỏi
201	25D291090	Vũ Đức	Huy	K61DK13	DKI	8	8	8.45	3.63	80		Giỏi
202	25D291048	Nguyễn Thùy	Dương	K61DK12	DKI	16		8.35	3.50	87		Khá
203	25D291034	Trần Nhật	Tiến	K61DK11	DKI	8	8	8.23	3.63	78		Khá
204	25D291010	Vũ Việt	Dũng	K61DK11	DKI	16		8.21	3.50	82		Khá
205	25D291082	Dương Khánh	Chi	K61DK13	DKI	16		8.18	3.59	79		Khá
206	25D291107	Nguyễn Thu	Thảo	K61DK13	DKI	8	8	8.10	3.50	71		Khá
207	25D291042	Nguyễn Kiều	Anh	K61DK12	DKI	16		8.08	3.38	82		Khá
208	25D291103	Lưu Tiến	Phong	K61DK13	DKI	8	8	8.05	3.19	76		Khá
209	25D291108	Nguyễn Minh	Thu	K61DK13	DKI	16		8.05	3.47	83		Khá
210	25D291085	Lê Tiến	Đạt	K61DK13	DKI	16		8.03	3.47	79		Khá
211	25D291092	Nguyễn Trung	Kiên	K61DK13	DKI	16		7.99	3.22	76		Khá
212	25D130162	Nguyễn Thị Minh	Huyền	K61E4	E	11	2	8.88	3.86	87		Giỏi
213	25D130016	Lê Ngọc	Hân	K61E1	E	11	5	8.69	3.77	96		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
214	25D130004	Nguyễn Phương	Anh	K61E1	E	13	3	8.65	3.69	92		Giỏi
215	25D130077	Hồ Thanh	Ngân	K61E2	E	11	2	8.65	3.73	96		Giỏi
216	25D130029	Đặng Thị Thu	Ngân	K61E1	E	11	5	8.55	3.59	84		Giỏi
217	25D130020	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K61E1	E	13		8.51	3.58	88		Giỏi
218	25D130011	Nguyễn Thị Kim	Dung	K61E1	E	11	2	8.40	3.73	85		Giỏi
219	25D130036	Nguyễn Lan	Phuong	K61E1	E	11	5	8.25	3.55	83		Khá
220	25D130026	Bùi Khánh	Ly	K61E1	E	13		8.14	3.58	84		Khá
221	25D130080	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	K61E2	E	11	5	8.12	3.41	81		Khá
222	25D130040	Phạm Thị Phương	Thảo	K61E1	E	11	5	8.11	3.55	83		Khá
223	25D130089	Nguyễn Thanh	Thùy	K61E2	E	11	5	8.05	3.50	92		Khá
224	25D130185	Nguyễn Hiền	Trâm	K61E4	E	13	3	8.03	3.54	87		Khá
225	25D130032	Nguyễn Minh	Nguyệt	K61E1	E	11	2	8.02	3.41	91		Khá
226	25D130030	Tổng Thị Thu	Ngân	K61E1	E	11	5	7.99	3.14	86		Khá
227	25D130058	Vũ Kim	Chi	K61E2	E	11	2	7.92	3.45	86		Khá
228	25D130136	Đông Phương	Thúy	K61E3	E	13	3	7.90	3.27	79		Khá
229	25D130051	Nguyễn Đức	Anh	K61E2	E	11	5	7.89	3.32	81		Khá
230	25D130015	Nguyễn Phương	Hà	K61E1	E	11	2	7.82	3.00	76		Khá
231	25D130146	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	K61E4	E	11	2	7.82	3.23	84		Khá
232	25D130111	Nguyễn Ngọc	Hải	K61E3	E	11	2	7.81	3.41	88		Khá
233	25D130086	Lê Vũ Anh	Tài	K61E2	E	11	2	7.80	3.27	81		Khá
234	25D130069	Nguyễn Thu	Hương	K61E2	E	11	2	7.78	3.00	89		Khá
235	25D135043	Lại Kiều	Trình	K61EEI1	EEI	6	11	9.20	4.00	93		Xuất sắc
236	25D135013	Nguyễn Lê Đan	Hà	K61EEI1	EEI	6	11	8.55	3.75	87		Giỏi
237	25D135047	Đỗ Phương	Vy	K61EEI1	EEI	6	11	8.55	3.75	90		Giỏi
238	25D135014	Nguyễn Hồng	Hạnh	K61EEI1	EEI	6	11	8.50	3.75	86		Giỏi
239	25D135035	Bùi Thái	Sơn	K61EEI1	EEI	13	3	8.25	3.38	84		Khá
240	25D135077	Tái Minh	Nhật	K61EEI2	EEI	6	11	8.25	3.50	90		Khá
241	25D135045	Nguyễn Phương	Uyên	K61EEI1	EEI	6	11	8.20	3.50	75		Khá
242	25D135002	Đoàn Thị Ngọc	Anh	K61EEI1	EEI	6	8	8.10	3.50	88		Khá
243	25D135017	Phạm Khánh	Huyền	K61EEI1	EEI	10	7	7.95	3.30	78		Khá
244	25D135021	Nguyễn Phương	Linh	K61EEI1	EEI	6	8	7.95	3.25	72		Khá
245	25D135051	Nguyễn Trần An	Bình	K61EEI2	EEI	6	8	7.80	3.25	90		Khá
246	25D135107	Trần Thu	Hà	K61EEI3	EEI	6	11	7.80	3.25	80		Khá
247	25D135123	Nguyễn Thị Minh	Nghĩa	K61EEI3	EEI	6	8	7.65	3.00	65		Khá
248	25D135124	Nguyễn Lâm	Nhi	K61EEI3	EEI	14	3	7.64	3.07	73		Khá
249	25D135113	Phan Đan	Lê	K61EEI3	EEI	6	11	7.60	3.00	75		Khá
250	25D135058	Phạm Trà	Giang	K61EEI2	EEI	6	8	7.55	3.00	82		Khá
251	25D135059	Lý Thu	Hà	K61EEI2	EEI	14	3	7.54	3.11	72		Khá
252	25D135112	Nguyễn Gia	Khánh	K61EEI3	EEI	6	8	7.50	3.00	76		Khá
253	25D135095	Đỗ Cát	Anh	K61EEI3	EEI	14		7.43	2.96	65		Khá
254	25D135092	Phạm Thị Thu	Uyên	K61EEI2	EEI	14		7.41	3.11	73		Khá
255	25D135076	Bùi Thu	Ngân	K61EEI2	EEI	6	11	7.40	3.00	82		Khá
256	25D260051	Nguyễn Thị Lan	Anh	K61EK2	EK	12	2	8.67	3.75	87		Giỏi
257	25D260071	Hoàng Thị	Liên	K61EK2	EK	14		8.63	3.71	92		Giỏi
258	25D260075	Lý Thị Xuân	Mai	K61EK2	EK	14	3	8.58	3.71	99		Giỏi
259	25D260139	Ngô Thảo	Uyên	K61EK3	EK	14	3	8.50	3.71	99		Giỏi
260	25D260105	Đậu Phan Tùng	Giang	K61EK3	EK	12	5	8.42	3.67	96		Giỏi
261	25D260142	Đoàn Gia	Hưng	K61EK3	EK	12	5	8.42	3.75	88		Khá
262	25D260061	Nguyễn Thu	Hà	K61EK2	EK	12	2	8.35	3.67	84		Khá
263	25D260086	Cao Phương	Thảo	K61EK2	EK	14		8.32	3.64	87	Có	Khá
264	25D260080	Trần Minh	Ngọc	K61EK2	EK	12	5	8.31	3.54	94	Có	Khá
265	25D260095	Bùi Lan	Anh	K61EK3	EK	12	2	8.31	3.71	90		Khá
266	25D260134	Trần Thị Thu	Thảo	K61EK3	EK	14	3	8.31	3.64	83		Khá
267	25D260103	Vũ Thị Thùy	Dương	K61EK3	EK	12	5	8.28	3.63	86		Khá
268	25D260042	Võ Thị	Thùy	K61EK1	EK	12	5	8.23	3.42	81	Có	Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
269	25D260077	Nguyễn Đức	Minh	K61EK2	EK	12	5	8.12	3.42	81		Khá
270	25D260003	Lê Mai	Anh	K61EK1	EK	12	5	8.11	3.46	91		Khá
271	25D260009	Đặng Trung	Dũng	K61EK1	EK	12	2	8.11	3.50	84		Khá
272	25D260041	Nguyễn Thị	Thảo	K61EK1	EK	12	5	8.03	3.46	81		Khá
273	25D260133	Nguyễn Phương	Thảo	K61EK3	EK	12	5	8.01	3.38	93		Khá
274	25D300063	Phạm An Hoa	Đông	K61LQ2	LQ	13		9.34	4.00	88		Giỏi
275	25D300014	Bùi Thái Hải	Đặng	K61LQ1	LQ	11	2	9.29	4.00	86		Giỏi
276	25D300062	Dương Tiến	Đạt	K61LQ2	LQ	13		9.14	4.00	85	Có	Giỏi
277	25D300067	Đỗ Huyền	Hạnh	K61LQ2	LQ	13	3	9.06	3.88	98		Xuất sắc
278	25D300091	Ngô Phương	Thảo	K61LQ2	LQ	11	2	9.05	3.86	87		Giỏi
279	25D300160	Đặng Thị	Chinh	K61LQ4	LQ	11	5	9.04	3.86	89		Giỏi
280	25D300110	Phạm Linh	Chi	K61LQ3	LQ	11	2	9.01	4.00	87		Giỏi
281	25D300130	Nguyễn Thị Phương	Ly	K61LQ3	LQ	13		8.98	4.00	86		Giỏi
282	25D300095	Nguyễn Thị Thu	Trang	K61LQ2	LQ	13		8.85	3.85	80		Khá
283	25D300178	Nguyễn Thị Phương	Linh	K61LQ4	LQ	13	3	8.79	3.73	88		Khá
284	25D300154	Nguyễn Thị Phương	Anh	K61LQ4	LQ	11	2	8.77	3.91	90		Khá
285	25D300169	Đào Thị	Hiền	K61LQ4	LQ	13	3	8.76	3.73	86		Khá
286	25D300134	Nguyễn Trần Thanh	Nhân	K61LQ3	LQ	11	2	8.75	4.00	87		Khá
287	25D300125	Dương Quốc	Khánh	K61LQ3	LQ	11	5	8.71	3.77	97		Khá
288	25D300123	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K61LQ3	LQ	11	5	8.67	3.82	87		Khá
289	25D300138	Dương Minh	Quang	K61LQ3	LQ	13	3	8.66	3.77	88		Khá
290	25D300142	Nguyễn Phương	Thu	K61LQ3	LQ	11	5	8.66	3.68	87		Khá
291	25D300025	Vũ Minh	Khiết	K61LQ1	LQ	11	2	8.65	3.82	87		Khá
292	25D300165	Đỗ Hồng	Giang	K61LQ4	LQ	11	5	8.65	3.55	84		Khá
293	25D300015	Nguyễn Minh	Đức	K61LQ1	LQ	11	2	8.61	3.86	100		Khá
294	25D300054	Nguyễn Lan	Anh	K61LQ2	LQ	11	5	8.59	3.64	83		Khá
295	25D300044	Hoàng Phương	Thùy	K61LQ1	LQ	11	2	8.58	3.68	83	Có	Khá
296	25D300173	Vũ Ngọc	Huyền	K61LQ4	LQ	13		8.56	3.73	87		Khá
297	25D300133	Vũ Thị Phương	Nga	K61LQ3	LQ	11	2	8.54	3.77	91		Khá
298	25D310058	Lương Tuấn	Hiền	K61LXI2	LXI	6	8	8.80	4.00	92		Giỏi
299	25D310133	Lê Mai	Anh	K61LXI4	LXI	6	11	8.70	4.00	87		Giỏi
300	25D310101	Vũ Đoàn Minh	Hậu	K61LXI3	LXI	6	11	8.65	3.75	90		Giỏi
301	25D310086	Nguyễn Hữu	Trung	K61LXI2	LXI	6	11	8.45	3.50	87		Giỏi
302	25D310077	Đặng Hiếu	Phuong	K61LXI2	LXI	6	8	8.40	3.75	89		Giỏi
303	25D310082	Hoàng Phương	Thảo	K61LXI2	LXI	6	11	8.35	3.50	82		Giỏi
304	25D310144	Nguyễn Minh	Hải	K61LXI4	LXI	6	8	8.35	3.75	90		Giỏi
305	25D310154	Vũ Hà	Linh	K61LXI4	LXI	6	8	8.35	3.50	71		Khá
306	25D310015	Lê Minh	Hòa	K61LXI1	LXI	14		8.32	3.61	95		Khá
307	25D310084	Vũ Hoàng	Tôn	K61LXI2	LXI	14		8.31	3.61	90		Khá
308	25D310097	Tạ Nguyễn Tuấn	Dương	K61LXI3	LXI	6	8	8.30	3.50	86		Khá
309	25D310141	Lê Tấn	Đại	K61LXI4	LXI	6	11	8.30	3.75	90		Khá
310	25D310171	Nguyễn Thị Minh	Thư	K61LXI4	LXI	6	8	8.30	3.75	95		Khá
311	25D310024	Nguyễn Hoàng	Mai	K61LXI1	LXI	6	8	8.30	3.75	86		Khá
312	25D310048	Đào Ngọc Diệp	Chi	K61LXI2	LXI	6	8	8.30	3.50	85		Khá
313	25D310016	Lê Ngọc	Huấn	K61LXI1	LXI	6	8	8.25	3.50	82		Khá
314	25D310073	Bùi Phương	Ngân	K61LXI2	LXI	6	8	8.20	3.50	85		Khá
315	25D310108	Đỗ Ngọc	Linh	K61LXI3	LXI	6	11	8.20	3.50	84		Khá
316	25D310004	Phan Gia	Bình	K61LXI1	LXI	6	8	8.20	3.50	85		Khá
317	25D310007	Lã Kim	Dung	K61LXI1	LXI	6	8	8.20	3.50	93		Khá
318	25D310115	Vũ Thị Trà	My	K61LXI3	LXI	14		8.18	3.46	89		Khá
319	25D310162	Nguyễn Lê Khánh	Ngọc	K61LXI4	LXI	6	11	8.15	3.25	80		Khá
320	25D310137	Nguyễn Linh	Chi	K61LXI4	LXI	14	3	8.13	3.57	92		Khá
321	25D310075	Nguyễn Thị Như	Ngọc	K61LXI2	LXI	6	8	8.10	3.25	80		Khá
322	25D310093	Lê Bùi Minh	Cường	K61LXI3	LXI	6	8	8.10	3.25	80		Khá
323	25D310003	Nguyễn Văn	Anh	K61LXI1	LXI	6	11	8.10	3.25	90		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
324	25D310128	Đỗ Nguyên	Trang	K61LXI3	LXI	6	8	8.05	3.25	89		Khá
325	25D310112	Phạm Ngọc	Mai	K61LXI3	LXI	14	3	8.04	3.54	94		Khá
326	25D310099	Nguyễn Thị Trà	Giang	K61LXI3	LXI	6	8	8.00	3.25	82		Khá
327	25D310168	Cao Đức	Tâm	K61LXI4	LXI	6	8	8.00	3.25	82		Khá
328	25D160070	Phạm Nguyễn Việt	Nam	K61F2	F	15	2	8.83	4.00	86	Có	Giỏi
329	25D160104	Trần Thị	Hường	K61F3	F	17		8.82	3.82	90		Giỏi
330	25D160121	Hoàng Thị Như	Quỳnh	K61F3	F	17		8.76	3.76	91		Giỏi
331	25D160139	Lê Thảo	Đan	K61F4	F	15	2	8.71	3.87	97		Giỏi
332	24D160082	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K61F2	F	17		8.71	3.79	83		Giỏi
333	25D160065	Lê Bảo	Linh	K61F2	F	17		8.69	3.85	86		Giỏi
334	25D160083	Đồng Huyền	Trang	K61F2	F	17		8.58	3.74	86		Giỏi
335	25D160013	Nguyễn Văn	Hiếu	K61F1	F	17		8.54	3.74	100		Khá
336	25D160003	Nguyễn Hoàng	Anh	K61F1	F	15	2	8.51	3.70	96		Khá
337	25D160093	Trần Thị Ngọc	Chi	K61F3	F	17		8.51	3.65	83		Khá
338	25D160084	Trần Nguyễn Huyền	Trang	K61F2	F	17		8.50	3.74	87		Khá
339	25D160158	Vũ Minh	Ngọc	K61F4	F	15	2	8.49	3.63	98		Khá
340	25D160066	Nguyễn Trần Khánh	Ly	K61F2	F	15	2	8.47	3.70	87		Khá
341	25D160152	Luyện Thanh	Mai	K61F4	F	17		8.44	3.56	79		Khá
342	25D160119	Nguyễn Thu	Phuong	K61F3	F	17		8.39	3.53	89		Khá
343	25D160064	Dương Ngọc	Lan	K61F2	F	15	2	8.36	3.50	93		Khá
344	25D160091	Nguyễn Thị Minh	Ánh	K61F3	F	17		8.36	3.62	90		Khá
345	25D160024	Chu Huyền	Minh	K61F1	F	17		8.35	3.53	87		Khá
346	25D161104	Bùi Minh	Hoàng	K61FII3	FII	9	8	8.27	3.50	81		Giỏi
347	25D161026	Nguyễn Trà	My	K61FII1	FII	17		8.17	3.59	83		Giỏi
348	25D161005	Nguyễn Thị Hiền	Anh	K61FII1	FII	17		8.09	3.35	91		Giỏi
349	25D161041	Nguyễn Yến	Trang	K61FII1	FII	17		8.03	3.47	84		Khá
350	25D161066	Phạm Thị Mai	Linh	K61FII2	FII	17		8.03	3.38	90		Giỏi
351	25D161018	Hoàng An	Hưng	K61FII1	FII	17		7.98	3.35	83		Khá
352	25D161021	Nguyễn Hoàng	Lan	K61FII1	FII	17		7.86	3.21	79		Khá
353	25D161088	Hoàng Hải	Yến	K61FII2	FII	17		7.77	3.15	82		Khá
354	25D161055	Nguyễn Tiến	Dũng	K61FII2	FII	9	8	7.67	3.17	82		Khá
355	25D161050	Trần Phương Mai	Anh	K61FII2	FII	17		7.62	3.18	82		Khá
356	25D161120	Dương Minh	Phuong	K61FII3	FII	17		7.62	3.18	90		Khá
357	25D161072	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	K61FII2	FII	17		7.55	3.06	79		Khá
358	25D161007	Vũ Thị Nguyệt	Ánh	K61FII1	FII	17		7.54	3.09	85		Khá
359	25D180019	Nguyễn Thanh	Lam	K61H1	H	11	2	8.78	3.73	80		Giỏi
360	25D180027	Nguyễn Khánh	Ngọc	K61H1	H	13	3	8.60	3.65	82		Giỏi
361	25D180084	Phạm Phương	Anh	K61H3	H	11	2	8.48	3.73	80		Giỏi
362	25D180061	Nguyễn Thùy	Linh	K61H2	H	13		8.36	3.65	80		Giỏi
363	25D180052	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	K61H2	H	11	5	8.34	3.64	80		Khá
364	25D180093	Phan Trung	Hiếu	K61H3	H	11	2	8.27	3.36	80		Khá
365	25D180024	Phạm Gia Nhất	Long	K61H1	H	11	2	8.25	3.59	91		Khá
366	25D180082	Nguyễn Hoàng Hà	Anh	K61H3	H	11	5	8.25	3.59	80		Khá
367	25D180029	Chu Khánh	Nhi	K61H1	H	11	2	8.19	3.55	86		Khá
368	25D180090	Trần Đức	Đạt	K61H3	H	11	5	8.15	3.45	82		Khá
369	25D180117	Nguyễn Thảo	Vân	K61H3	H	13	3	8.15	3.65	81		Khá
370	25D180040	Nguyễn Hải	Yến	K61H1	H	11	5	8.14	3.59	88		Khá
371	25D180107	Vũ Bảo	Ngọc	K61H3	H	11	2	8.13	3.41	84		Khá
372	25D180078	Đậu Thị Tường	Vy	K61H2	H	13		8.12	3.62	90		Khá
373	25D280075	Phạm Thị Khánh	Ly	K61HC2	HC	11	5	9.15	4.00	83		Giỏi
374	25D280053	Trần Thị Kim	Anh	K61HC2	HC	11	5	9.01	3.86	82		Giỏi
375	25D280056	Nguyễn Thị Thùy	Dung	K61HC2	HC	13		8.78	3.88	76		Khá
376	25D280072	Nguyễn Gia	Linh	K61HC2	HC	11	5	8.68	3.77	93		Giỏi
377	25D280005	Nguyễn Phương	Anh	K61HC1	HC	11	5	8.65	3.73	80		Khá
378	25D280063	Nguyễn Thị Thu	Hằng	K61HC2	HC	13	3	8.65	3.58	80		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
379	25D280043	Chu Yến	Trang	K61HC1	HC	13		8.56	3.54	81		Khá
380	25D280061	Lê Thái	Hà	K61HC2	HC	11	5	8.55	3.73	86		Khá
381	25D280054	Nguyễn Ngọc	Bích	K61HC2	HC	13	3	8.48	3.73	95		Khá
382	25D280064	Nguyễn Đức	Hiếu	K61HC2	HC	11	2	8.36	3.55	75		Khá
383	25D280087	Đỗ Phương	Thảo	K61HC2	HC	11	2	8.28	3.59	80		Khá
384	25D186109	Nguyễn Ngọc	Linh	K61HHI3	HHI	14	3	8.57	3.86	95		Giỏi
385	25D186066	Nguyễn Lưu Thùy	Linh	K61HHI2	HHI	14		8.46	3.71	85		Giỏi
386	25D186112	Nguyễn Quang	Minh	K61HHI3	HHI	6	8	8.30	3.50	80		Giỏi
387	25D186070	Phạm Quang	Minh	K61HHI2	HHI	14		8.04	3.50	81		Khá
388	25D186084	Đào Thị Tú	Uyên	K61HHI2	HHI	14		8.04	3.43	91		Giỏi
389	25D186090	Phạm Quỳnh	Anh	K61HHI3	HHI	14	3	7.89	3.46	85		Khá
390	25D186035	Tăng Danh	Thành	K61HHI1	HHI	14		7.87	3.25	98		Khá
391	25D186114	Nguyễn Trà	My	K61HHI3	HHI	14		7.85	3.18	72		Khá
392	25D186089	Nguyễn Quỳnh	Anh	K61HHI3	HHI	14		7.84	3.11	80		Khá
393	25D186046	Ngô Thị Châu	Anh	K61HHI2	HHI	6	8	7.80	3.25	77		Khá
394	25D186124	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K61HHI3	HHI	6	11	7.80	3.25	88		Khá
395	25D186094	Nguyễn Thị Kim	Chi	K61HHI3	HHI	14		7.79	3.21	75		Khá
396	25D186077	Hoàng Hương	Thảo	K61HHI2	HHI	14		7.66	3.11	95		Khá
397	25D187107	Nguyễn Văn	Nghĩa	K61HT3	HT	13	3	8.93	4.00	90		Giỏi
398	25D187060	Nguyễn Khánh	Linh	K61HT2	HT	11	2	8.86	4.00	87		Giỏi
399	25D187092	Phạm Thị Thu	Hiền	K61HT3	HT	13		8.78	3.85	84		Giỏi
400	25D187011	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	K61HT1	HT	11	5	8.75	4.00	84		Giỏi
401	25D187117	Trần Nguyễn Bảo	Trần	K61HT3	HT	11	5	8.75	4.00	81		Khá
402	25D187098	Dương Lê Diệp	Khanh	K61HT3	HT	11	5	8.74	3.86	100		Khá
403	25D187017	Đỗ Tuấn	Hưng	K61HT1	HT	13		8.71	3.85	84		Khá
404	25D187028	Phạm Thị Thanh	Nhân	K61HT1	HT	11	2	8.69	3.86	80		Khá
405	25D187116	Nguyễn Lê Quỳnh	Trang	K61HT3	HT	13	3	8.68	3.88	82		Khá
406	25D187048	Nguyễn Nhất	Đạt	K61HT2	HT	13		8.57	3.69	70		Khá
407	25D187118	Đỗ Thị Thanh	Vân	K61HT3	HT	13		8.57	3.88	76		Khá
408	25D187072	Nguyễn Thị Diệu	Thảo	K61HT2	HT	11	2	8.49	3.73	100		Khá
409	25D187087	Bùi Tổ Tùng	Dương	K61HT3	HT	11	2	8.49	3.73	95		Khá
410	25D140015	Lương Thị Thanh	Hiền	K61I1	I	14	2	9.24	4.00	86		Giỏi
411	25D140023	Nguyễn Thị Yến	Linh	K61I1	I	14	2	9.13	4.00	84		Giỏi
412	25D140103	Đào Thanh	Hoàn	K61I3	I	14	2	9.06	4.00	95		Xuất sắc
413	25D140060	Đặng Thu	Hồng	K61I2	I	16		9.04	3.91	91		Xuất sắc
414	25D140159	Nguyễn Minh	Ngân	K61I4	I	14	2	8.99	4.00	98		Giỏi
415	25D140043	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	K61I1	I	14	2	8.97	4.00	86		Giỏi
416	25D140002	Lê Phương	Anh	K61I1	I	14	2	8.94	4.00	89		Giỏi
417	25D140098	Phạm Quang	Duy	K61I3	I	14	2	8.94	3.89	83		Khá
418	25D140110	Lê Mai	Linh	K61I3	I	14	2	8.94	4.00	86		Khá
419	25D140165	Trịnh Lê Minh	Phuong	K61I4	I	14	2	8.93	4.00	88		Khá
420	25D140140	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	K61I4	I	16		8.91	4.00	82		Khá
421	25D140102	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	K61I3	I	16		8.90	4.00	82		Khá
422	25D140172	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K61I4	I	16		8.83	4.00	86		Khá
423	25D140075	Trần Nguyễn Thảo	Nguyễn	K61I2	I	14	2	8.79	3.89	89		Khá
424	25D140018	Trịnh Thị Thanh	Huyền	K61I1	I	14	2	8.76	3.89	82		Khá
425	25D140130	Phạm Thế	Tuân	K61I3	I	16		8.73	3.84	84		Khá
426	25D140040	Đào Hà	Trang	K61I1	I	14	2	8.66	3.79	82		Khá
427	25D140101	Trần Thị Hà	Giang	K61I3	I	14	2	8.63	3.79	85		Khá
428	25D140169	Nguyễn Thị Anh	Thơ	K61I4	I	16		8.61	3.81	87		Khá
429	25D140046	Nguyễn Bảo	Anh	K61I2	I	14	2	8.61	3.79	90		Khá
430	25D145123	Nguyễn Phương	Trang	K61IK3	IK	17		9.03	3.88	93		Xuất sắc
431	25D145062	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	K61IK2	IK	15	2	8.86	3.87	82		Giỏi
432	25D145003	Trương Quang	Anh	K61IK1	IK	17		8.84	3.94	88		Giỏi
433	25D145078	Đào Minh	Thảo	K61IK2	IK	17		8.81	3.88	82		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
434	25D145020	Trần Yển	Ly	K61IK1	IK	15	2	8.69	3.87	94		Giỏi
435	25D145117	Nguyễn Bảo	Quốc	K61IK3	IK	17		8.66	3.76	93		Khá
436	25D145036	Lưu Phương	Thảo	K61IK1	IK	15	2	8.57	3.73	97		Khá
437	25D145065	Lê Thị Hà	My	K61IK2	IK	15	2	8.57	3.73	98		Khá
438	25D145113	Vũ Phương	Nhi	K61IK3	IK	15	2	8.56	3.80	84		Khá
439	25D145038	Phạm Thanh	Thư	K61IK1	IK	17		8.51	3.68	82		Khá
440	25D145112	Nguyễn Phạm Bảo	Nhi	K61IK3	IK	17		8.50	3.62	86		Khá
441	25D145121	Lê Thị Thanh	Thuận	K61IK3	IK	17		8.49	3.65	90		Khá
442	25D145116	Đặng Trần	Quân	K61IK3	IK	15	2	8.47	3.57	83		Khá
443	25D141032	Trần Anh	Quân	K61ISI1	ISI	8	8	9.35	4.00	88		Giỏi
444	25D141091	Nguyễn Công Thái	Bảo	K61ISI3	ISI	8	8	9.24	4.00	100		Xuất sắc
445	25D141074	Trần Thị Thu	Quyên	K61ISI2	ISI	16		8.96	3.88	89		Giỏi
446	25D141111	Nguyễn Đình	Nguyên	K61ISI3	ISI	8	8	8.94	3.81	92		Giỏi
447	25D141029	Hà Thị	Oanh	K61ISI1	ISI	16		8.88	3.78	100		Giỏi
448	25D141007	Cần Thị Ngọc	Ánh	K61ISI1	ISI	8	8	8.83	4.00	100		Giỏi
449	25D141083	Phạm Tú	Uyên	K61ISI2	ISI	16		8.74	3.72	85		Khá
450	25D141044	Đỗ Phương	Anh	K61ISI2	ISI	8	8	8.73	4.00	89		Khá
451	25D141141	Tạ Mai	Hiên	K61ISI4	ISI	8	8	8.65	3.81	90		Khá
452	25D141057	Mai Thị Trúc	Hạ	K61ISI2	ISI	8	8	8.61	3.81	83		Khá
453	25D141048	Trương Thị Hà	Anh	K61ISI2	ISI	8	8	8.59	3.81	99		Khá
454	25D141037	Tổng Thị Minh	Trang	K61ISI1	ISI	8	8	8.58	3.63	91		Khá
455	25D141128	Đinh Phương	Anh	K61ISI4	ISI	8	8	8.58	3.63	85		Khá
456	25D141034	Lê Thị Phương	Thảo	K61ISI1	ISI	16		8.56	3.63	87		Khá
457	25D141033	Vũ Huy	Son	K61ISI1	ISI	8	8	8.48	3.81	98		Khá
458	25D141058	Vũ Huy	Hoàng	K61ISI2	ISI	16		8.46	3.66	88		Khá
459	25D141010	Phan Ngọc Linh	Chi	K61ISI1	ISI	8	8	8.41	3.63	88		Khá
460	25D141147	Trịnh Khánh	Linh	K61ISI4	ISI	8	8	8.33	3.63	91		Khá
461	25D141118	Diệp Đức	Thắng	K61ISI3	ISI	8	8	8.29	3.50	85		Khá
462	25D141075	Đinh Thị Minh	Tâm	K61ISI2	ISI	8	8	8.28	3.63	87		Khá
463	25D141122	Nguyễn Bảo	Trâm	K61ISI3	ISI	8	8	8.28	3.63	84		Khá
464	25D141077	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K61ISI2	ISI	8	8	8.24	3.63	86		Khá
465	25D141063	Phạm Nguyễn Ngọc	Linh	K61ISI2	ISI	8	8	8.21	3.44	91		Khá
466	25D141090	Vũ Hoàng	Anh	K61ISI3	ISI	8	8	8.16	3.63	95		Khá
467	25D141146	Nguyễn Phương Ngọc	Linh	K61ISI4	ISI	8	8	8.16	3.44	87		Khá
468	25D141022	Hoàng Phương	Mai	K61ISI1	ISI	8	8	8.15	3.31	84		Khá
469	25D170265	Trịnh Thị Ngọc	Mai	K61N5	N	9	6	9.04	4.00	81		Giỏi
470	25D170208	Trần Thị Hồng	Mai	K61N4	N	9	6	8.87	3.89	83		Giỏi
471	25D170121	Nguyễn Phương	Anh	K61N3	N	15	3	8.85	3.83	90		Giỏi
472	25D170113	Lê Tú	Uyên	K61N2	N	15		8.80	3.90	93		Giỏi
473	25D170055	Phạm Đăng	Tuấn	K61N1	N	15		8.68	3.80	82		Giỏi
474	25D170179	Nguyễn Thục	Anh	K61N4	N	15		8.68	3.67	80		Giỏi
475	25D170099	Vũ Thị Hoài	Ngọc	K61N2	N	15		8.67	3.73	90		Giỏi
476	25D170180	Phạm Phương	Anh	K61N4	N	15		8.67	3.73	87		Giỏi
477	25D170194	Hà Thu	Hiên	K61N4	N	15		8.63	3.70	81		Giỏi
478	25D170269	Phạm Hồng	Ngọc	K61N5	N	15		8.63	3.70	90		Giỏi
479	25D170046	Lương Thu	Phuong	K61N1	N	9	6	8.59	3.72	83		Giỏi
480	25D170253	Nguyễn Giáp	Huy	K61N5	N	15		8.59	3.73	72		Khá
481	25D170209	Đặng Thị Trúc	Minh	K61N4	N	15	3	8.58	3.63	93		Khá
482	25D170158	Phạm Thị Dung	Nhi	K61N3	N	15		8.57	3.60	86		Khá
483	25D170241	Lê Đỗ Minh	Châu	K61N5	N	15	3	8.57	3.73	81		Khá
484	25D170260	Ngô Phương	Linh	K61N5	N	15		8.57	3.70	100		Khá
485	25D170058	Nguyễn Thị Hải	Yển	K61N1	N	9	6	8.56	3.67	83		Khá
486	25D170185	Lê Thị Kiều	Chinh	K61N4	N	15		8.55	3.73	90		Khá
487	25D170048	Nguyễn Thủy	Quỳnh	K61N1	N	15	3	8.54	3.73	97		Khá
488	25D170047	Đinh Văn	Quân	K61N1	N	15		8.53	3.67	97		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
489	25D170225	Phạm Quỳnh	Trang	K61N4	N	15		8.53	3.63	78		Khá
490	25D170273	Phan Kiều	Oanh	K61N5	N	9	9	8.53	3.72	90		Khá
491	25D170171	Hoàng Việt	Vương	K61N3	N	15	3	8.52	3.37	83		Khá
492	25D170159	Võ Khánh	Như	K61N3	N	15		8.50	3.60	88		Khá
493	25D170250	Nguyễn Thanh	Hằng	K61N5	N	15		8.47	3.77	91		Khá
494	25D170034	Nguyễn Thùy	Linh	K61N1	N	15		8.43	3.60	80		Khá
495	25D170186	Hồ Phương	Dung	K61N4	N	15		8.43	3.60	83		Khá
496	25D170195	Nguyễn Thị Kim	Hồng	K61N4	N	9	6	8.41	3.61	84		Khá
497	25D170026	Nguyễn Thu	Huyền	K61N1	N	15		8.40	3.57	81		Khá
498	25D170057	Nguyễn Hương	Vy	K61N1	N	15		8.40	3.70	85		Khá
499	25D170286	Đặng Thị Hải	Yến	K61N5	N	15		8.39	3.70	73		Khá
500	25D200112	Ngô Thị	Hiền	K61P3	P	14		9.28	4.00	92		Xuất sắc
501	25D200052	Nguyễn Khánh Minh	Anh	K61P2	P	12	2	8.80	3.75	96		Giỏi
502	25D200055	Trần Quỳnh	Anh	K61P2	P	12	5	8.73	3.75	90		Giỏi
503	25D200144	Phạm Thùy	Trang	K61P3	P	14		8.57	3.68	91		Giỏi
504	25D200068	Nguyễn Thị	Hường	K61P2	P	12	5	8.48	3.63	86		Giỏi
505	25D200119	Phan Thanh	Lam	K61P3	P	12	5	8.45	3.75	90		Khá
506	25D200125	Phạm Thị Xuân	Mai	K61P3	P	12	2	8.45	3.75	94		Khá
507	25D200003	Hoàng Trung	Anh	K61P1	P	12	2	8.35	3.63	90		Khá
508	25D200120	Nguyễn Lan	Anh	K61P3	P	12	2	8.35	3.75	73		Khá
509	25D200084	Bùi Trang	Nhung	K61P2	P	12	2	8.33	3.63	72		Khá
510	25D200083	Nguyễn Phương	Nhi	K61P2	P	12	5	8.28	3.63	90		Khá
511	25D200015	Nguyễn Việt	Hải	K61P1	P	14		8.24	3.50	81		Khá
512	25D200026	Trương Nguyễn Mai	Linh	K61P1	P	14	3	8.21	3.50	91		Khá
513	25D200105	Hoàng Khánh	Chi	K61P3	P	12	5	8.20	3.63	85		Khá
514	25D200069	Nguyễn Huy	Khải	K61P2	P	12	2	8.18	3.50	81		Khá
515	25D200073	Lại Thùy	Linh	K61P2	P	12	2	8.15	3.25	91		Khá
516	25D200110	Nguyễn Thị Hương	Giang	K61P3	P	12	2	8.13	3.50	82		Khá
517	25D205114	Nguyễn Vĩnh	Thành	K61PPI3	PPI	5	11	8.78	4.00	95		Giỏi
518	25D205008	Nguyễn Trần Tú	Chinh	K61PPI1	PPI	5	8	8.70	3.80	87		Giỏi
519	25D205107	Đỗ Thị Trà	My	K61PPI3	PPI	5	11	8.62	4.00	94		Giỏi
520	25D205061	Lê Thùy	Linh	K61PPI2	PPI	5	11	8.56	4.00	81		Giỏi
521	25D205031	Đàm Minh	Phuong	K61PPI1	PPI	5	8	8.54	3.80	85		Khá
522	25D205078	Nguyễn Thị Thu	Trang	K61PPI2	PPI	5	8	8.54	3.80	85		Khá
523	25D205006	Nguyễn Hương	Chi	K61PPI1	PPI	13		8.52	3.69	91		Khá
524	25D205051	Trần Đức	Duy	K61PPI2	PPI	13		8.42	3.69	73		Khá
525	25D205055	Nguyễn Thanh	Huyền	K61PPI2	PPI	5	8	8.30	3.60	80		Khá
526	25D205057	Đàm Đình Gia	Khánh	K61PPI2	PPI	5	8	8.26	3.60	82		Khá
527	25D205116	Trần Thị Minh	Thu	K61PPI3	PPI	5	8	8.24	3.50	83		Khá
528	25D205004	Nguyễn Thị Lâm	Anh	K61PPI1	PPI	13		8.18	3.54	85		Khá
529	25D205089	Nguyễn Ngọc	Diệp	K61PPI3	PPI	5	8	8.16	3.30	93		Khá
530	25D205033	Ngô Duy	Thái	K61PPI1	PPI	5	8	8.10	3.40	85		Khá
531	25D205105	Bùi Nguyễn Phương	Ly	K61PPI3	PPI	13		8.07	3.23	85		Khá
532	25D205005	Vũ Đức	Anh	K61PPI1	PPI	13		8.05	3.46	90		Khá
533	25D205058	Hoàng Trần Ngân	Khuê	K61PPI2	PPI	5	8	8.04	3.60	80		Khá
534	25D205053	Lê Thị Thu	Giang	K61PPI2	PPI	5	8	8.00	3.60	80		Khá
535	25D205042	Bùi Phạm Thùy	Anh	K61PPI2	PPI	13		7.98	3.31	80		Khá
536	25D201091	Nguyễn Phương	Linh	K61PQ2	PQ	11	5	8.90	3.82	94		Giỏi
537	25D201094	Nguyễn Minh	Lý	K61PQ2	PQ	11	2	8.66	3.91	90		Giỏi
538	25D201072	Ngô Yến	Chi	K61PQ2	PQ	13		8.64	3.77	83		Giỏi
539	25D201089	Lê Nguyễn Trúc	Linh	K61PQ2	PQ	11	2	8.62	3.68	84		Giỏi
540	25D201017	Phương Thị	Dinh	K61PQ1	PQ	11	2	8.47	3.68	90		Khá
541	25D201063	Nguyễn Phương	Anh	K61PQ2	PQ	11	2	8.20	3.50	81		Khá
542	25D201081	Lưu Ngọc	Hà	K61PQ2	PQ	11	2	8.16	3.55	98		Khá
543	25D201067	Lại Ngọc	Ánh	K61PQ2	PQ	11	2	8.11	3.27	84		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
544	25D201079	Đỗ Ngọc	Đức	K61PQ2	PQ	11	5	8.10	3.55	81		Khá
545	25D201088	Trần Hoàng	Lan	K61PQ2	PQ	11	2	7.96	3.41	83		Khá
546	25D201009	Nguyễn Thị Minh	Ánh	K61PQ1	PQ	11	5	7.87	3.18	80		Khá
547	25D201024	Nguyễn Mạnh	Hùng	K61PQ1	PQ	11	2	7.87	3.41	80		Khá
548	25D201022	Lê Hải	Hà	K61PQ1	PQ	11	2	7.86	3.32	83		Khá
549	25D105006	Nguyễn Thị Hiền	Anh	K61Q1	Q	17		8.54	3.74	88		Giỏi
550	25D105010	Trần Minh	Chiến	K61Q1	Q	17		8.51	3.74	82		Khá
551	25D105003	Ngô Phương	Anh	K61Q1	Q	17		8.48	3.68	88		Khá
552	25D105044	Phạm Thị	Vinh	K61Q1	Q	17		8.39	3.53	84		Khá
553	25D430034	Đào Quỳnh	Anh	K61AAP2	AAP	11	3	8.12	3.55	84		Giỏi
554	25D430033	Hoàng Tường	Vy	K61AAP1	AAP	14		8.10	3.43	93		Giỏi
555	25D430023	Phạm Thúy	Nga	K61AAP1	AAP	14		7.86	3.32	83		Khá
556	25D430002	Hoàng Ngọc	Anh	K61AAP1	AAP	11	3	7.79	3.23	88		Khá
557	25D430053	Nguyễn Đức	Minh	K61AAP2	AAP	14		7.68	3.11	81		Khá
558	25D410033	Phan Thanh	Lương	K61QAS1	QAS	6	17	8.67	3.67	91		Giỏi
559	25D410044	Nguyễn Đăng	Quân	K61QAS1	QAS	23		7.72	3.22	92		Khá
560	25D410019	Đặng Châu	Giang	K61QAS1	QAS	6	17	7.60	3.00	87		Khá
561	25D410051	Kim Phương	Trang	K61QAS1	QAS	23		7.39	2.96	81		Khá
562	25D410037	Lưu Thảo	Nguyễn	K61QAS1	QAS	6	17	7.37	3.00	80		Khá
563	25D410008	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	K61QAS1	QAS	6	17	7.30	3.00	80		Khá
564	25D410040	Nguyễn Hữu	Phú	K61QAS1	QAS	6	17	7.03	2.67	73		Khá
565	25D410011	Vũ Ngọc Diễm	Chi	K61QAS1	QAS	6	17	7.00	2.83	77		Khá
566	25D420018	Vũ Tùng	Lâm	K61QCM1	QCM	6	17	8.67	3.67	93		Giỏi
567	25D420068	Nguyễn Thị	Xiêm	K61QCM2	QCM	6	17	8.57	3.83	90		Giỏi
568	25D420031	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K61QCM1	QCM	23		8.55	3.76	96		Giỏi
569	25D420047	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K61QCM2	QCM	6	17	8.07	3.33	83		Khá
570	25D420053	Nguyễn Phương	Linh	K61QCM2	QCM	23		7.98	3.24	83		Khá
571	25D420020	Lê Thanh	Mai	K61QCM1	QCM	6	17	7.80	3.33	85		Khá
572	25D420058	Thân Thị Bích	Ngọc	K61QCM2	QCM	6	17	7.73	3.17	77		Khá
573	25D420042	Nguyễn Ngọc	Diệp	K61QCM2	QCM	6	17	7.70	3.17	76		Khá
574	25D420004	Lê Phương	Anh	K61QCM1	QCM	6	17	7.67	3.17	74		Khá
575	25D420063	Phạm Minh	Thúy	K61QCM2	QCM	6	17	7.27	2.83	65		Khá
576	25D420035	Đỗ Đức	Anh	K61QCM2	QCM	6	17	7.23	3.00	73		Khá
577	25D420034	Phạm Ngọc Khánh	Vy	K61QCM1	QCM	6	17	7.20	2.83	78		Khá
578	25D420067	Vũ Hoàng Phương	Uyên	K61QCM2	QCM	23		7.17	2.83	78		Khá
579	25D420046	Phạm Nhật	Hoàng	K61QCM2	QCM	23		7.02	2.85	70		Khá
580	25D107023	Vũ Việt	Hoàng	K61QT1	QT	11	5	8.89	3.86	85		Giỏi
581	25D107163	Nguyễn Thị Phương	Thanh	K61QT3	QT	10	6	8.76	4.00	90		Giỏi
582	25D107133	Dương Thu	Hà	K61QT3	QT	11	5	8.61	3.73	81		Giỏi
583	25D107017	Nguyễn Hương	Giang	K61QT1	QT	13	3	8.58	3.77	87		Giỏi
584	25D107082	Cao Ngọc	Huyền	K61QT2	QT	11	5	8.52	3.73	82		Giỏi
585	25D107098	Trần Minh	Nguyệt	K61QT2	QT	13		8.52	3.77	86		Giỏi
586	25D107032	Trịnh Thị	Linh	K61QT1	QT	10	6	8.50	3.65	87		Khá
587	25D107044	Nguyễn Ngọc	Phương	K61QT1	QT	13	3	8.46	3.54	80		Khá
588	25D107027	Trần Mai	Hương	K61QT1	QT	13	3	8.44	3.46	84		Khá
589	25D107008	Tạ Thị Hồng	Anh	K61QT1	QT	13	3	8.38	3.73	90		Khá
590	25D107048	Nguyễn Phương	Thảo	K61QT1	QT	10	3	8.38	3.65	85		Khá
591	25D107151	Phạm Huyền	My	K61QT3	QT	11	5	8.38	3.59	80		Khá
592	25D107158	Lê Hà	Phương	K61QT3	QT	10	3	8.38	3.70	86		Khá
593	25D107029	Nguyễn Khánh	Linh	K61QT1	QT	13	3	8.32	3.46	83		Khá
594	25D107071	Phan Thùy	Dung	K61QT2	QT	13	3	8.32	3.46	80		Khá
595	25D107045	Vũ Thị Minh	Phương	K61QT1	QT	13	3	8.28	3.38	80		Khá
596	25D107002	Đặng Vũ Phương	Anh	K61QT1	QT	7	9	8.26	3.50	81		Khá
597	25D107012	Lê Bích	Diệp	K61QT1	QT	13	3	8.25	3.50	81		Khá
598	25D107068	Lê Ngọc Minh	Châu	K61QT2	QT	13	3	8.23	3.50	80		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
599	25D107125	Nguyễn Diệp	Chi	K61QT3	QT	10	6	8.22	3.40	80		Khá
600	25D107087	Dương Phương	Linh	K61QT2	QT	13	3	8.19	3.54	80		Khá
601	25D104073	Hoàng Thị Trà	My	K61QT12	QTI	14		9.06	3.89	81		Giỏi
602	25D104085	Đặng Hoài	Thư	K61QT12	QTI	14	3	9.06	3.75	100		Xuất sắc
603	25D104106	Nguyễn Thuý	Hằng	K61QT13	QTI	14	3	8.96	3.86	90		Giỏi
604	25D104074	Đỗ Thu	Nga	K61QT12	QTI	14	3	8.82	3.79	97		Giỏi
605	25D104107	Nguyễn Thu	Hiền	K61QT13	QTI	12	5	8.82	3.92	97		Giỏi
606	25D104109	Đỗ Thị	Huyền	K61QT13	QTI	12	2	8.82	3.83	90		Khá
607	25D104086	Đỗ Mai	Trang	K61QT12	QTI	14	3	8.80	3.71	95		Khá
608	25D104129	Nguyễn Hương	Thảo	K61QT13	QTI	14		8.62	3.68	88		Khá
609	25D104115	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K61QT13	QTI	14		8.61	3.75	84		Khá
610	25D104140	Trần Khánh	Vi	K61QT13	QTI	14		8.56	3.75	86		Khá
611	25D104078	Nguyễn Hạnh	Phương	K61QT12	QTI	14		8.49	3.71	81		Khá
612	25D104059	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	K61QT12	QTI	14	3	8.40	3.64	80		Khá
613	25D104077	Ngô Lê Tuệ	Nhi	K61QT12	QTI	14		8.39	3.61	90		Khá
614	25D104113	Hà Hồng	Liên	K61QT13	QTI	14		8.32	3.57	80		Khá
615	25D190040	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	K61S1	S	16		8.94	3.91	99		Giỏi
616	25D190063	Trần Thị	Huyền	K61S2	S	16		8.92	4.00	91		Giỏi
617	25D190012	Nguyễn Thị Thu	Hà	K61S1	S	16		8.89	3.94	84		Giỏi
618	25D190123	Võ Thị	Nhung	K61S3	S	16		8.84	3.91	89		Giỏi
619	25D190014	Phạm Thị Thanh	Hoa	K61S1	S	16		8.82	3.91	87		Giỏi
620	25D190096	Trịnh Thị Minh	Ánh	K61S3	S	16		8.81	3.84	86		Giỏi
621	25D190016	Đỗ Thị Thu	Huyền	K61S1	S	16		8.80	3.75	87		Khá
622	25D190149	Nguyễn Thị Mai	Hoa	K61S4	S	16		8.80	3.81	88		Giỏi
623	25D190077	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K61S2	S	14	2	8.78	3.89	88		Khá
624	25D190138	Nguyễn Bảo	Anh	K61S4	S	14	2	8.78	3.68	87		Khá
625	25D190181	Phạm Thị Hải	Yến	K61S4	S	16		8.77	3.91	90		Khá
626	25D190150	Bùi Thị	Hồng	K61S4	S	16		8.73	3.88	88		Khá
627	25D190062	Hoàng Khánh	Huyền	K61S2	S	14	2	8.71	3.82	90		Khá
628	25D190004	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	K61S1	S	16		8.69	3.81	97		Khá
629	25D190022	Nguyễn Khánh	Linh	K61S1	S	16		8.69	3.84	85		Khá
630	25D190053	Nguyễn Mai	Chi	K61S2	S	14	2	8.67	3.82	87		Khá
631	25D190047	Đỗ Quế	Anh	K61S2	S	16		8.66	3.81	87		Khá
632	25D190126	La Như	Quỳnh	K61S3	S	16		8.65	3.72	98		Khá
633	25D190076	Lê Thị Hoài	Nhi	K61S2	S	16		8.64	3.81	93		Khá
634	25D193041	Ngô Thị Lâm	Phương	K61SSI1	SSI	16		8.57	3.72	81		Giỏi
635	25D193029	Phạm Thị Phương	Linh	K61SSI1	SSI	16		8.56	3.66	89		Giỏi
636	25D193059	Trần Thị Thanh	Bình	K61SSI2	SSI	8	8	8.53	3.63	89		Giỏi
637	25D193009	Nguyễn Quỳnh	Chi	K61SSI1	SSI	16		8.39	3.69	82		Giỏi
638	25D193006	Nguyễn Ngọc	Ánh	K61SSI1	SSI	16		8.24	3.41	91		Khá
639	25D193042	Nguyễn Minh	Son	K61SSI1	SSI	16		8.21	3.50	82		Khá
640	25D193035	Nguyễn Thị	Nga	K61SSI1	SSI	16		8.19	3.38	86		Khá
641	25D193073	Nguyễn Như	Huế	K61SSI2	SSI	16		8.15	3.44	82		Khá
642	25D193063	Bùi Khánh	Duyên	K61SSI2	SSI	16		8.09	3.53	86		Khá
643	25D193030	Trịnh Hà	Ly	K61SSI1	SSI	16		8.04	3.28	96		Khá
644	25D210064	Nguyễn Hạ	Diệp	K61U2	U	16		9.19	4.00	91		Giỏi
645	25D210158	Ngô Hải	Yến	K61U3	U	16		9.19	4.00	93		Xuất sắc
646	25D210144	Nguyễn Thị Yến	Nhi	K61U3	U	14	2	9.02	4.00	88		Giỏi
647	25D210100	Đỗ Anh	Thư	K61U2	U	14	2	8.96	4.00	91		Giỏi
648	25D210134	Hoàng Chi	Mai	K61U3	U	14	2	8.82	3.89	89		Giỏi
649	25D210145	Vũ Yến	Nhi	K61U3	U	14	2	8.76	3.89	100		Giỏi
650	25D210075	Hà Thị Hoàng	Linh	K61U2	U	14	2	8.73	3.79	91		Khá
651	25D210018	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K61U1	U	16		8.70	3.91	89		Khá
652	25D210112	Hà Trúc	Chi	K61U3	U	14	2	8.66	3.89	89		Khá
653	25D210116	Nguyễn Thùy	Dương	K61U3	U	16		8.59	3.72	90		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL kì 2 NH 25-26	MGHP	LOẠI HB
654	25D210131	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K61U3	U	16		8.58	3.78	85		Khá
655	25D210139	Bùi Hà	My	K61U3	U	14	2	8.58	3.89	89		Khá
656	25D210088	Nguyễn Tiến Quỳnh	Nga	K61U2	U	14	2	8.45	3.75	89		Khá
657	25D210026	Nguyễn Thùy	Linh	K61U1	U	14	2	8.44	3.79	92		Khá
658	25D210060	Nguyễn Mai	Chi	K61U2	U	14	2	8.39	3.71	100		Khá
659	25D210149	Đào Phương	Thảo	K61U3	U	14	2	8.37	3.68	97		Khá
660	25D210014	Nguyễn Thị	Hào	K61U1	U	16		8.35	3.53	87		Khá
661	25D212033	Nguyễn Bảo	Ngân	K61UUI1	UUI	17		9.03	3.82	85		Giỏi
662	25D212020	Phạm Quỳnh	Hương	K61UUI1	UUI	17		8.51	3.79	88		Giỏi
663	25D212044	Nguyễn Quỳnh	Trang	K61UUI1	UUI	17		8.51	3.71	98		Giỏi
664	25D212052	Nguyễn Minh	Anh	K61UUI2	UUI	9	8	8.37	3.83	80		Giỏi
665	25D212045	Bùi Ngọc	Trâm	K61UUI1	UUI	17		8.34	3.56	83		Giỏi
666	25D212026	Trần Phương	Linh	K61UUI1	UUI	17		8.29	3.65	85		Khá
667	25D212066	Vũ Thu	Hiền	K61UUI2	UUI	17		8.26	3.65	82		Khá
668	25D212128	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	K61UUI3	UUI	9	8	8.23	3.50	88		Khá
669	25D212027	Vũ Thị	Linh	K61UUI1	UUI	9	8	8.13	3.33	82		Khá
670	25D212041	Trần Minh	Thành	K61UUI1	UUI	17		8.12	3.62	79		Khá
671	25D212040	Nguyễn Hồng	Quân	K61UUI1	UUI	17		8.09	3.29	91		Khá
672	25D212109	Khúc Phạm Hải	Đăng	K61UUI3	UUI	9	8	8.00	3.33	85		Khá
673	25D212034	Dương Khánh	Ngọc	K61UUI1	UUI	17		7.92	3.24	80		Khá
674	25D212112	Lê Thị Minh	Hằng	K61UUI3	UUI	17		7.90	3.44	90		Khá
675	25D212111	Trần Hoàng	Hải	K61UUI3	UUI	9	8	7.87	3.33	88		Khá
676	25D212019	Nguyễn Tiến Lâm	Huy	K61UUI1	UUI	17		7.80	3.24	81		Khá
677	25D400155	Trần Thị	Oanh	K61V3	V	14		9.20	4.00	86		Giỏi
678	25D400098	Nguyễn Thị Kim	Nhung	K61V2	V	14	3	9.19	4.00	95		Xuất sắc
679	25D400122	Vũ Thị Ngọc	Ánh	K61V3	V	14	3	9.02	3.86	94		Xuất sắc
680	25D400118	Nguyễn Hồng Mai	Anh	K61V3	V	14	3	9.01	3.86	94		Giỏi
681	25D400079	Nguyễn Quang	Huy	K61V2	V	14		8.97	3.89	85		Giỏi
682	25D400032	Lê Phương	Mai	K61V1	V	12	5	8.95	3.92	90		Giỏi
683	25D400162	Trần Thị	Thùy	K61V3	V	14	3	8.95	3.93	87		Giỏi
684	25D400049	Lê Thị Phương	Thúy	K61V1	V	14	3	8.92	3.93	86		Khá
685	25D400056	Đào Công	Vinh	K61V1	V	12	2	8.88	3.83	90		Khá
686	25D400080	Hoàng Khánh	Huyền	K61V2	V	14	3	8.84	3.93	91		Khá
687	25D400087	Nhâm Khánh	Linh	K61V2	V	12	5	8.80	3.75	91		Khá
688	25D400096	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	K61V2	V	12	5	8.80	3.67	84		Khá
689	25D400050	Nguyễn Minh	Thư	K61V1	V	14		8.73	3.79	90		Khá
690	25D400093	Nguyễn Tâm	Ngân	K61V2	V	12	5	8.63	3.75	85		Khá
691	25D400123	Lê Minh	Chi	K61V3	V	14	3	8.62	3.71	100		Khá
692	25D400013	Nguyễn Thùy	Dung	K61V1	V	14		8.60	3.68	85		Khá
693	25D400134	Nguyễn Minh	Hiền	K61V3	V	14		8.53	3.57	85		Khá
694	25D400137	Phạm Khánh	Huyền	K61V3	V	14		8.52	3.64	87		Khá
695	25D400086	Nguyễn Phương	Linh	K61V2	V	12	2	8.48	3.58	85		Khá